

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Kế hoạch kiểm tra kết quả xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 tại các cơ quan hành chính nhà nước tỉnh năm 2023

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2014/TT-BKHCN ngày 10/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết thi hành Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 65/QĐ-UBND ngày 11/01/2023 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch hoạt động và ngân sách thực hiện Cải cách hành chính nhà nước tỉnh Đắk Lắk năm 2023;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 22/TTr-SKHCN ngày 13/3/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch kiểm tra kết quả xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 tại các cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Đắk Lắk năm 2023 (có Kế hoạch kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các

huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ KH&CN (b/c);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (b/c);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Các sở: TP, Nội Vụ, TC;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Báo Đắc Lắc, Đài PTTH tỉnh;
- Các phòng: TH, HCTC, KSTTHC;
- TT công nghệ và Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX (H⁷N-10b).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tuấn Hà

KẾ HOẠCH

Kiểm tra kết quả xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 tại các cơ quan thuộc hệ thống hành chính Nhà nước tỉnh Đắk Lắk năm 2023

(Ban hành kèm theo Quyết định số **469**/QĐ-UBND ngày **16/3/2023** của Ủy ban nhân dân tỉnh)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- a) Đánh giá tình hình duy trì, hiệu quả áp dụng HTQLCL theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015, góp phần thúc đẩy cải cách hành chính tại các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh.
- b) Thu thập những đề xuất, kiến nghị, hạn chế, thiếu sót trong quá trình triển khai thực hiện; đề xuất các giải pháp, phương thức hoạt động có hiệu quả hơn về việc áp dụng, duy trì HTQLCL trong cơ quan hành chính nhà nước.
- c) Tổng hợp báo cáo tình hình áp dụng HTQLCL theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001: 2015 tại các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh.

2. Yêu cầu

- a) Hoạt động kiểm tra phải tuân thủ theo quy định tại Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ và các quy định của pháp luật có liên quan; đảm bảo chính xác, khách quan, trung thực, công khai, minh bạch.
- b) Chọn kiểm tra ngẫu nhiên từ 03 - 05 quy trình giải quyết thủ tục hành chính tại mỗi đơn vị được kiểm tra.
- c) Qua kiểm tra rút ra được những vấn đề cần quan tâm trong công tác duy trì, hiệu lực, hiệu quả áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng tại các Cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh; có kết luận rõ ràng, cụ thể về hiệu lực của Hệ thống quản lý chất lượng tại đơn vị được kiểm tra.

II. NỘI DUNG, ĐỐI TƯỢNG, HÌNH THỨC, THỜI GIAN KIỂM TRA

1. Nội dung kiểm tra

- a) Kiểm tra việc xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến HTQLCL theo yêu cầu của tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015:

- Phạm vi áp dụng bao gồm toàn bộ hoạt động liên quan đến thực hiện thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan, đơn vị.

- Hoạt động phổ biến, hướng dẫn áp dụng hệ thống tài liệu, quy trình giải quyết công việc cho toàn bộ cán bộ, công chức trong phạm vi xây dựng và áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng.

- Sự tuân thủ của cơ quan, đơn vị đối với tất cả các yêu cầu của tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015, chính sách, mục tiêu, quy trình, thủ tục và các quy định có liên quan khác.

- Việc thực hiện các quá trình giải quyết công việc và các quá trình được xác định trong Hệ thống quản lý chất lượng.

- Hoạt động xem xét của Lãnh đạo và hoạt động đánh giá nội bộ, thực hiện hành động khắc phục các điểm không phù hợp.

- Hoạt động cải tiến trong HTQLCL.

b) Kiểm tra việc tuân thủ theo các quy định tại Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ:

- Việc bảo đảm sự tham gia của Lãnh đạo, các đơn vị và cá nhân có liên quan trong quá trình xây dựng và áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng.

- Việc người đứng đầu cơ quan xác nhận hiệu lực của HTQLCL.

- Việc công bố HTQLCL phù hợp tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015, gửi đến Sở Khoa học và Công nghệ để theo dõi, tổng hợp; niêm yết tại trụ sở cơ quan và trên trang thông tin điện tử của cơ quan (nếu có).

- Việc cập nhật các thay đổi của văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến hoạt động xử lý công việc vào HTQLCL.

2. Đối tượng, hình thức, thời gian kiểm tra

- Tổng số cơ quan, đơn vị thực hiện kiểm tra: 233, trong đó:

+ Kiểm tra qua báo cáo: 160 cơ quan.

+ Kiểm tra tại trụ sở cơ quan: 73 cơ quan, trong đó, Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì kiểm tra tại 09 cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, 05 UBND cấp huyện, 02 UBND cấp xã. UBND cấp huyện chủ trì kiểm tra tại 57 UBND cấp xã thuộc địa bàn quản lý.

- Thời gian thực hiện: Từ tháng 9 đến tháng 11/2023.

(Lịch kiểm tra cụ thể theo Phụ lục gửi kèm).

III. KINH PHÍ KIỂM TRA

Kinh phí kiểm tra từ nguồn ngân sách thực hiện Cải cách hành chính nhà nước của cấp tỉnh và cấp huyện năm 2023.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; và Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn

a) Phổ biến, quán triệt nội dung kế hoạch này đến các đơn vị trực thuộc và tất cả cán bộ, công chức, viên chức.

b) Lập kế hoạch tự kiểm tra đơn vị mình và các đơn vị trực thuộc về kết quả áp dụng, duy trì, cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng và báo cáo theo đề cương hướng dẫn cùng các tài liệu, bằng chứng có liên quan, gửi về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, Bộ Khoa học và Công nghệ (sau khi nhận được Công văn kèm đề cương mẫu báo cáo).

c) Đối với các cơ quan được kiểm tra tại trụ sở làm việc: Cử cán bộ làm việc với Đoàn kiểm tra đủ, đúng thành phần; báo cáo về các vấn đề cơ liên quan đến nội dung kiểm tra; cung cấp kịp thời, đầy đủ, chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của Đoàn kiểm tra; tạo điều kiện thuận lợi để Đoàn kiểm tra hoàn thành nhiệm vụ.

d) UBND các huyện, thị xã, thành phố chủ trì, tổ chức kiểm tra tại UBND cấp xã thuộc địa bàn quản lý theo hướng dẫn của Sở Khoa học và Công nghệ.

2. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Ban hành Quyết định thành lập Đoàn kiểm tra, quy định trách nhiệm, phân công nhiệm vụ cho các thành viên Đoàn kiểm tra; xây dựng đề cương hướng dẫn các cơ quan, đơn vị báo cáo; xây dựng lịch kiểm tra cụ thể, thông báo và tiến hành kiểm tra các cơ quan, đơn vị đảm bảo theo nội dung, thời gian của kế hoạch này.

b) Tổng hợp báo cáo UBND tỉnh kết quả kiểm tra, trên cơ sở đó phân tích, đánh giá những ưu điểm, hạn chế, tồn tại và làm rõ những nguyên nhân, đề ra các giải pháp khắc phục những hạn chế, tồn tại, phát huy các kết quả đạt được trong thời gian tới.

Trong quá trình thực hiện nếu có phát sinh vướng mắc, các cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết./.

Phụ lục

**KẾ HOẠCH KIỂM TRA HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG, ÁP DỤNG, DUY TRÌ VÀ CẢI TIẾN
HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG THEO TIÊU CHUẨN QUỐC GIA TCVN ISO 9001:2015
TẠI CÁC CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC TỈNH ĐẮK LẮK NĂM 2023**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 469 /QĐ-UBND ngày 16 tháng 3 năm 2023 của UBND tỉnh)

TT	Tên cơ quan chịu sự kiểm tra	Đơn vị kiểm tra	Đơn vị phối hợp	Hình thức kiểm tra		Thời gian kiểm tra
				Thông qua hồ sơ và báo cáo	Tại trụ sở cơ quan	
1.	Văn phòng UBND tỉnh	Sở KH&CN	-	X		
2.	Kho bạc nhà nước tỉnh	-nt-	-	X		
3.	Cục Hải quan	-nt-	-	X		
4.	Bảo hiểm xã hội tỉnh	-nt-	-	X		
5.	Cục Thuế tỉnh	-nt-	-	X		
6.	Cục Quản lý thị trường	-nt-	-	X		
7.	Thanh tra tỉnh	-nt-	-	X		
8.	Ban Dân tộc tỉnh	-nt-	-	X		
9.	Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh	-nt-	-	X		
10.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	-nt-	-	X		
11.	Sở Ngoại vụ	-nt-	-	X		
12.	Sở Thông tin và Truyền thông	-nt-	-	X		
13.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	-nt-	-	X		

TT	Tên cơ quan chịu sự kiểm tra	Đơn vị kiểm tra	Đơn vị phối hợp	Hình thức kiểm tra		Thời gian kiểm tra
				Thông qua hồ sơ và báo cáo	Tại trụ sở cơ quan	
14.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	-nt-	-	X		
15.	Sở Tài chính	-nt-	-	x		
16.	Sở Khoa học và Công nghệ	-nt-	-	X		
17.	Sở Tư pháp	-nt-	-	X		
18.	Sở Giáo dục và Đào tạo	-nt-	-	X		
19.	Sở Giao thông Vận tải	-nt-	-	X	X	Tháng 10/2023
20.	Sở Công Thương	-nt-	-	X	X	Tháng 10/2023
21.	Sở Tài nguyên và Môi trường	-nt-	-	X	X	Tháng 10/2023
22.	Sở Y tế	-nt-	-	X	X	Tháng 10/2023
23.	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	-nt-	-	X	X	Tháng 10/2023
24.	Sở Xây dựng	-nt-	-	X	X	Tháng 10/2023
25.	Sở Nội vụ	-nt-	-	X	X	Tháng 10/2023
26.	Chi cục Kiểm lâm	-nt-	-	X	X	Tháng 10/2020
27.	Chi cục Chăn nuôi & Thú y	-nt-	-	X	X	Tháng 10/2023
28.	Chi cục Thủy lợi	-nt-	-	X		
29.	Chi cục Thủy sản	-nt-	-	X		
30.	Chi cục Phát triển Nông thôn	-nt-	-	X		

TT	Tên cơ quan chịu sự kiểm tra	Đơn vị kiểm tra	Đơn vị phối hợp	Hình thức kiểm tra		Thời gian kiểm tra
				Thông qua hồ sơ và báo cáo	Tại trụ sở cơ quan	
31.	Chi cục Dân số Kế hoạch hóa gia đình	-nt-	-	X		
32.	Chi cục An toàn Vệ sinh thực phẩm	-nt-	-	X		
33.	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	-nt-	-	X		
34.	Chi cục QLCL Nông lâm thủy sản	-nt-	-	X		
35.	UBND Thị xã Buôn Hồ	-nt-	-	X	X	Tháng 10/2023
36.	UBND huyện Krông Năng	-nt-	-	x	x	Tháng 10/2023
37.	UBND huyện Ea H'leo	-nt-	-	X	X	Tháng 10/2023
38.	UBND huyện Buôn Đôn	-nt-	-	X	X	Tháng 10/2023
39.	UBND huyện Ea Kar	-nt-	-	X	X	Tháng 10/2023
40.	UBND thành phố Buôn Ma Thuột	-nt-	-	X		
41.	UBND huyện Krông Pắc	-nt-	-	X		
42.	UBND huyện Ea Súp	-nt-	-	X		
43.	UBND Huyện Krông Búk	-nt-	-	X		
44.	UBND huyện Cư Kuin	-nt-	-	X		
45.	UBND huyện Krông Ana	-nt-	-	X		
46.	UBND huyện Krông Bông	-nt-	-	X		
47.	UBND huyện Lắk	-nt-	-	X		

TT	Tên cơ quan chịu sự kiểm tra	Đơn vị kiểm tra	Đơn vị phối hợp	Hình thức kiểm tra		Thời gian kiểm tra
				Thông qua hồ sơ và báo cáo	Tại trụ sở cơ quan	
48.	UBND huyện M'Đrăk	-nt-	-	X		
49.	UBND huyện Cư M'gar	-nt-	-	X		
Huyện Krông Búk						
50.	UBND xã Chư Kpô	UBND huyện Krông Búk	-	X	X	UBND huyện Krông Búk chủ trì kiểm tra, hoàn thành trước ngày 15/11/2023
51.	UBND xã Tân Lập	-nt-	-	X	X	
52.	UBND xã Cư Pong	-nt-	-	X	X	
53.	UBND xã Ea Ngai	Sở KH&CN	-	X		
54.	UBND xã Pong Drang	-nt-	-	X		
55.	UBND xã Cư Né	-nt-	-	X		
56.	UBND xã Ea Sin	-nt-	-	X		
Huyện Lắk						
57.	UBND xã Buôn Triết	UBND huyện Lắk	-	X	X	UBND huyện Lắk chủ trì kiểm tra, hoàn thành trước ngày 15/11/2023
58.	UBND xã Buôn Tría	-nt-	-	X	X	
59.	UBND xã Krông Nô	-nt-	-	X	X	
60.	UBND xã Nam Ka	Sở KH&CN	-	X		
61.	UBND xã Đăk Nuê	-nt-	-	X		
62.	UBND xã Đăk Phoi	-nt-	-	X		

TT	Tên cơ quan chịu sự kiểm tra	Đơn vị kiểm tra	Đơn vị phối hợp	Hình thức kiểm tra		Thời gian kiểm tra
				Thông qua hồ sơ và báo cáo	Tại trụ sở cơ quan	
63.	UBND xã Ea Rbin	-nt-	-	X		
64.	UBND thị trấn Liên Sơn	-nt-	-	X		
65.	UBND xã Yang Tao	-nt-	-	X		
66.	UBND xã Bông Krang	-nt-	-	X		
67.	UBND xã Đăk Liêng	-nt-	-	X		
Huyện M'Đrăk						
68.	UBND xã Cư M'ta	UBND huyện M'Đrăk	-	X	X	UBND huyện M'Đrăk chủ trì kiểm tra, hoàn thành trước ngày 15/11/2023
69.	UBND xã Cư San	-nt-	-	X	X	
70.	UBND xã Ea Trang	-nt-	-	X	X	
71.	UBND xã Krông Á	-nt-	-	X	X	
72.	UBND xã Krông Jing	Sở KH&CN	-	X		
73.	UBND thị trấn M'Đrăk	-nt-	-	X		
74.	UBND xã Ea Pil	-nt-	-	X		
75.	UBND xã Cư Prao	-nt-	-	X		
76.	UBND xã Cư Kroă	-nt-	-	X		
77.	UBND xã Ea Mdoal	-nt-	-	X		
78.	UBND xã Ea Mlây	-nt-	-	X		
79.	UBND xã Ea Riêng	-nt-	-	X		

TT	Tên cơ quan chịu sự kiểm tra	Đơn vị kiểm tra	Đơn vị phối hợp	Hình thức kiểm tra		Thời gian kiểm tra
				Thông qua hồ sơ và báo cáo	Tại trụ sở cơ quan	
80.	UBND xã Ea Lai	-nt-	-	X		
Huyện Ea Kar						
81.	UBND thị trấn Ea Knốp	UBND huyện EaKar	-	X	X	UBND huyện Ea Kar chủ trì kiểm tra, hoàn thành trước ngày 15/11/2023
82.	UBND xã Ea Dar	-nt-	-	X	X	
83.	UBND xã Ea Ô	-nt-	-	X	X	
84.	UBND xã Ea Păl	-nt-	-	X	X	
85.	UBND xã Cư Ni	-nt-	-	X	X	
86.	UBND xã Cư Bông	-nt-	-	X	X	
87.	UBND thị trấn Ea Kar	Sở KH&CN	-	X		
88.	UBND xã Cư Huê	-nt-	-	X		
89.	UBND xã Xuân Phú	-nt-	-	X		
90.	UBND xã Ea Sô	-nt-	-	X		
91.	UBND xã Ea Sar	-nt-	-	X		
92.	UBND xã Ea Kmut	-nt-	-	X		
93.	UBND xã Ea Tih	-nt-	-	X		
94.	UBND xã Cư Elang	-nt-	-	X		
95.	UBND xã Cư Prông	-nt-	-	X		
96.	UBND xã Cư Yang	-nt-	-	X		

TT	Tên cơ quan chịu sự kiểm tra	Đơn vị kiểm tra	Đơn vị phối hợp	Hình thức kiểm tra		Thời gian kiểm tra
				Thông qua hồ sơ và báo cáo	Tại trụ sở cơ quan	
Huyện Buôn Đôn						
97.	UBND Xã Ea Huar	Sở KH&CN	-	X	X	Tháng 10/2023
98.	UBND Xã Tân Hòa	UBND huyện Buôn Đôn		X	X	UBND huyện Buôn Đôn chủ trì kiểm tra, hoàn thành trước ngày 15/11/2023
99.	UBND Xã Cuôr Knia	-nt-	-	X	X	
100.	UBND Xã Ea Bar	Sở KH&CN		X		
101.	UBND Xã Ea Nuôl	-nt-	-	X		
102.	UBND Xã Ea Wer	-nt-	-	X		
103.	UBND Xã Krông Na	-nt-	-	X		
Huyện Ea Súp						
104.	UBND xã Ia Lốp	UBND huyện Ea Súp	-	X	X	UBND huyện Ea Súp chủ trì kiểm tra, hoàn thành trước ngày 15/11/2023
105.	UBND xã Ia Rvê	-nt-	-	X	X	
106.	UBND xã Ya Tờ Môt	-nt-	-	X	X	
107.	UBND xã Cư Mlan	-nt-	-	X	X	
108.	UBND xã Ea Rôk	Sở KH&CN	-	X		
109.	UBND xã Ia Jloi	-nt-	-	X		
110.	UBND xã Ea Bung	-nt-	-	X		
111.	UBND xã Ea Lê	-nt-	-	X		

TT	Tên cơ quan chịu sự kiểm tra	Đơn vị kiểm tra	Đơn vị phối hợp	Hình thức kiểm tra		Thời gian kiểm tra
				Thông qua hồ sơ và báo cáo	Tại trụ sở cơ quan	
112.	Txhị trấn Ea Súp	-nt-	-	X		
113.	UBND xã Cư Kbang	-nt-	-	X		
Huyện Cư Kuin						
114.	UBND xã Ea Bôk	UBND huyện Cư Kuin	-	X	X	UBND huyện Cư Kuin chủ trì kiểm tra, hoàn thành trước ngày 15/11/2023
115.	UBND xã Hòa hiệp	-nt-	-	X	X	
116.	UBND xã Ea Tiêu	-nt-	-	X	X	
117.	UBND xã Ea Hu	Sở KH&CN	-	X		
118.	UBND xã Ea Ning	-nt-	-	X		
119.	UBND xã Dray Bhang	-nt-	-	X		
120.	UBND xã Cư Êwi	-nt-	-	X		
121.	UBND xã Ea Ktur	-nt-	-	X		
Huyện Krông Pắc						
122.	UBND xã Vụ Bồn	UBND huyện Krông Pắc	-	X	X	UBND huyện Krông Pắc chủ trì kiểm tra, hoàn thành trước ngày 15/11/2023
123.	UBND xã Ea Uy	-nt-	-	X	X	
124.	UBND xã Krông Buk	-nt-	-	X	X	
125.	Xã Hòa Tiến	-nt-	-	X	X	
126.	UBND thị trấn Phước An	Sở KH&CN	-	X		

TT	Tên cơ quan chịu sự kiểm tra	Đơn vị kiểm tra	Đơn vị phối hợp	Hình thức kiểm tra		Thời gian kiểm tra
				Thông qua hồ sơ và báo cáo	Tại trụ sở cơ quan	
127.	UBND xã Hòa Đông	-nt-	-	X		
128.	UBND xã Ea Phê	-nt-	-	X		
129.	UBND xã Ea Kuăng	-nt-	-	X		
130.	UBND xã Ea Knuéc	-nt-	-	X		
131.	UBND xã Hòa An	-nt-	-	X		
132.	UBND xã Ea Kênh	-nt-	-	X		
133.	UBND xã Ea Yiêng	-nt-	-	X		
134.	UBND xã Ea Hiu	-nt-	-	X		
135.	UBND xã Ea Yông	-nt-	-	X		
136.	UBND xã Ea Kly	-nt-	-	X		
137.	UBND xã Tân Tiến	-nt-	-	X		
Huyện Ea H'leo						
138.	UBND xã Cư Mốt	UBND huyện Ea Hleo	-	X	X	UBND huyện Ea H'leo chủ trì kiểm tra, hoàn thành trước ngày 15/11/2023
139.	UBND xã Ea Khăl	-nt-	-	X	X	
140.	UBND xã Ea Wy	-nt-	-	X	X	
141.	UBND xã Cư Amung	-nt-	-	X	X	
142.	UBND thị trấn Ea Drăng	Sở KH&CN	-	X		
143.	UBND xã Ea Hiao	-nt-	-	X		

TT	Tên cơ quan chịu sự kiểm tra	Đơn vị kiểm tra	Đơn vị phối hợp	Hình thức kiểm tra		Thời gian kiểm tra
				Thông qua hồ sơ và báo cáo	Tại trụ sở cơ quan	
144.	UBND xã Ea Sol	-nt-	-	X		
145.	UBND xã Ea Nam	-nt-	-	X		
146.	UBND xã Ea Dliê Yang	-nt-	-	X		
147.	UBND xã Ea H' Leo	-nt-	-	X		
148.	UBND xã Ea Ral	-nt-	-	X		
149.	UBND xã Ea Tir	-nt-	-	X		
Huyện Cư M'gar						
150.	UBND xã Cư Dliê M' nông	UBND huyện Cư M'gar	-	X	X	UBND huyện Cư M'gar chủ trì kiểm tra, hoàn thành trước ngày 15/11/2023
151.	UBND xã Ea Kuêh	-nt-	-	X	X	
152.	UBND xã Ea M' droh	-nt-	-	X	X	
153.	UBND xã Ea Kiết	-nt-	-	X	X	
154.	UBND xã Cư M'gar	-nt-	-	X	X	
155.	UBND xã Ea Drong	Sở KH&CN	-	X		
156.	UBND xã Ea Kpam	-nt-	-	X		
157.	UBND xã Cuôr Đăng	-nt-	-	X		
158.	UBND xã Ea H' đing	-nt-	-	X		
159.	UBND xã Cư Suê	-nt-	-	X		
160.	UBND thị trấn Quảng Phú	-nt-	-	X		

TT	Tên cơ quan chịu sự kiểm tra	Đơn vị kiểm tra	Đơn vị phối hợp	Hình thức kiểm tra		Thời gian kiểm tra
				Thông qua hồ sơ và báo cáo	Tại trụ sở cơ quan	
161.	UBND thị trấn Ea Pôk	-nt-	-	X		
162.	UBND xã Quảng Tiến	-nt-	-	X		
163.	UBND xã Quảng Hiệp	-nt-	-	X		
164.	UBND xã Ea Tul	-nt-	-	X		
165.	UBND xã Ea Tar	-nt-	-	X		
166.	UBND xã Ea M'ngang	-nt-	-	X		
Huyện Krông Bông						
167.	UBND xã Hòa Lễ	UBND huyện Krông Bông	-	X	X	UBND huyện Krông Bông chủ trì kiểm tra, hoàn thành trước ngày 15/11/2023
168.	UBND xã Hòa Sơn	-nt-	-	X	X	
169.	UBND thị trấn Krông Kmar	-nt-	-	X	X	
170.	UBND xã Cư pui	-nt-	-	X	X	
171.	UBND xã Cư Drăm	Sở KH&CN	-	X		
172.	UBND xã Yang Reh	-nt-	-	X		
173.	UBND xã Yang Mao	-nt-	-	X		
174.	UBND xã Ea Trul	-nt-	-	X		
175.	UBND xã Hòa Phong	-nt-	-	X		
176.	UBND xã Khuê Ngọc Điền	-nt-	-	X		
177.	UBND xã Cư Kty	-nt-	-	X		

TT	Tên cơ quan chịu sự kiểm tra	Đơn vị kiểm tra	Đơn vị phối hợp	Hình thức kiểm tra		Thời gian kiểm tra
				Thông qua hồ sơ và báo cáo	Tại trụ sở cơ quan	
178.	UBND xã Hòa Tân	-nt-	-	X		
179.	UBND xã Hòa Thành	-nt-	-	X		
180.	UBND xã Dang Kang	-nt-	-	X		
Thành phố Buôn Ma Thuột						
181.	UBND Phường Tân Hòa	UBND TP. BMT	-	X	X	UBND thành phố Buôn Ma Thuột chủ trì kiểm tra, hoàn thành trước ngày 15/11/2023
182.	UBND Phường Tân Thành	-nt-	-	X	X	
183.	UBND Phường Tân An	-nt-	-	X	X	
184.	UBND Phường Tân Lợi	-nt-	-	X	X	
185.	UBND Phường Tân Lập	-nt-	-	X	X	
186.	UBND xã Cư Ê bur	-nt-	-	X	X	
187.	UBND xã Hòa Khánh	Sở KH&CN	-	X		
188.	UBND xã Hòa Xuân	-nt-	-	X		
189.	UBND xã Hòa Thuận	-nt-	-	X		
190.	UBND Phường Tự An	-nt-	-	X		
191.	UBND Phường Thắng Lợi	-nt-	-	X		
192.	UBND Phường Thống Nhất	-nt-	-	X		
193.	UBND Phường Thành Công	-nt-	-	X		
194.	UBND Phường Thành Nhất	-nt-	-	X		
195.	UBND Phường Ea Tam	-nt-	-	X		

TT	Tên cơ quan chịu sự kiểm tra	Đơn vị kiểm tra	Đơn vị phối hợp	Hình thức kiểm tra		Thời gian kiểm tra
				Thông qua hồ sơ và báo cáo	Tại trụ sở cơ quan	
196.	UBND Phường Khánh Xuân	-nt-	-	X		
197.	UBND Phường Tân Tiến	-nt-	-	X		
198.	UBND xã Ea Kao	-nt-	-	X		
199.	UBND xã Hòa Thắng	-nt-	-	X		
200.	UBND xã Hòa Phú	-nt-	-	X		
201.	UBND xã Ea Tu	-nt-	-	X		
Huyện Krông Năng						
202.	UBND xã Phú Xuân	UBND huyện Krông Năng	-	X	X	UBND huyện Krông Năng chủ trì kiểm tra, hoàn thành trước ngày 15/11/2023
203.	UBND xã Ea Tam	-nt-	-	X	X	
204.	UBND xã Ea Hồ	-nt-	-	X	X	
205.	UBND xã Dliê Ya	-nt-	-	X	X	
206.	UBND xã Cư Klông	Sở KHCN	-	X		
207.	UBND xã Tam Giang	-nt-	-	X		
208.	UBND xã Ea Puk	-nt-	-	X		
209.	UBND xã Ea Đăh	-nt-	-	X		
210.	UBND thị trấn Krông Năng	-nt-	-	X		
211.	UBND xã Phú Lộc	-nt-	-	X		
212.	UBND xã Ea Tóh	-nt-	-	X		

TT	Tên cơ quan chịu sự kiểm tra	Đơn vị kiểm tra	Đơn vị phối hợp	Hình thức kiểm tra		Thời gian kiểm tra
				Thông qua hồ sơ và báo cáo	Tại trụ sở cơ quan	
213.	UBND xã Ea Tân	-nt-	-	X		
Thị xã Buôn Hồ						
214.	UBND Phường Đạt Hiếu	Sở KHCN	-	X	X	Tháng 10/2023
215.	UBND Phường Bình Tân	UBND Thị xã Buôn Hồ	-	X	X	UBND thị xã Buôn Hồ chủ trì kiểm tra, hoàn thành trước ngày 15/11/2023
216.	UBND xã Ea Blang	-nt-	-	X	X	
217.	UBND xã Cư Bao	Sở KHCN	-	X		
218.	UBND xã Bình Thuận	-nt-	-	X		
219.	UBND Phường Thiện An	-nt-	-	X		
220.	UBND Phường Thống Nhất	-nt-	-	X		
221.	UBND Phường An Bình	-nt-	-	X		
222.	UBND Phường An Lạc	-nt-	-	X		
223.	UBND xã Ea Drông	-nt-	-	X		
224.	UBND Phường Đoàn Kết	-nt-	-	X		
225.	UBND xã Ea Siên	-nt-	-	X		
Huyện Krông Ana						
226.	UBND thị trấn Buôn Trấp	UBND huyện Krông Ana	-	X	X	UBND huyện Krông Ana chủ trì kiểm tra, hoàn thành trước
227.	UBND Xã Băng Adrênh	-nt-	-	X	X	

18

TT	Tên cơ quan chịu sự kiểm tra	Đơn vị kiểm tra	Đơn vị phối hợp	Hình thức kiểm tra		Thời gian kiểm tra
				Thông qua hồ sơ và báo cáo	Tại trụ sở cơ quan	
228.	UBND Xã Dray Sáp	-nt-	-	X	X	ngày 15/11/2023
229.	UBND Xã Quảng Điền	Sở KHCN	-	X		
230.	UBND Xã Bình Hòa	-nt-	-	X		
231.	UBND Xã Dur Kmăl	-nt-	-	X		
232.	UBND Xã Ea Bông	-nt-	-	X		
233.	UBND Xã Ea Na	-nt-	-	X		